

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Sở Giáo Dục và Đào Tạo
Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Trung Phú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông năm học
2021 - 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1873	659	587	627	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1779 94.98 %	588 89.23%	577 98.30%	614 97.93%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	93 4.97%	71 10.77%	10 1.70%	12 1.91%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	1 0.16%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1873	659	587	627	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	866 46.24%	236 35.81%	261 44.46%	369 58.85%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	631 33.69%	212 32.17%	214 36.46%	205 32.70%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	344 18.37%	186 28.22%	105 17.89%	53 8.45%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	32 1.70%	25 3.79%	7 1.19%	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1873	659	587	627	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1845 98.50%	636 96.50%	582 99.15%	100%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	865 46.18%	235 35.66%	261 44.46%	369 58.85%	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	632 33.74%	213 32.32%	214 36.46%	205 32.70%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	32 1.70%	25 0.75%	7 1.19%	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	28 1.49%	23 3.49%	5 0.85%	0	
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.21%	1 0.15%	2 0.34%	1 0.15%	
	Chuyển trường đi	12	8	3	1	



	(tỷ lệ so với tổng số)	0.64%	1.21%	0.51%	0.16%	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.32%	2 0.30%	2 0.34%	2 0.32%	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	27	0	0	27	
1	Cấp tỉnh/thành phố (kể cả thi Olympic tháng tư)	27	0	0	27	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	627	0	0	627	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	624	0	0	624	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	744/1129	253/406	233/354	258/369	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	25	11	8	6	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


Lê Đức Chinh

